TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 230/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 9 - 2023
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Bửu Thương

Ông Võ Sĩ Hùng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Minh Đát – Là Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Phi Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 468/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 270/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Minh Ch, sinh năm: 1982. Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã T, huyện D, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn*: Bà Huỳnh Hồng M, sinh năm: 1983. Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã D, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Hồng Th. Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã T, huyện D, tỉnh Cà Mau. Địa chỉ nơi làm việc: Khu công nghiệp M1, đường Đ, thị xã H, tỉnh Bình Dương; (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm: 1950. Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã T, huyện D, tỉnh Cà Mau; (vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1976. Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã T, huyện D, tỉnh Cà Mau; (vắng mặt)

4. Bà Huỳnh Ánh Ng, sinh năm 1970. Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã T, huyện D, tỉnh Cà Mau; (vắng mặt)

5. Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1953. Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã T, huyện D, tỉnh Cà Mau; (vắng mặt)

6. Bà Nguyễn Thị C. Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã T, huyện D, tỉnh Cà Mau; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Minh Ch trình bày tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

- Hôn nhân: Ông và bà Huỳnh Hồng M tự nguyện chung sống năm 2017, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Định Bình, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 phát sinh nhiều mâu thuẫn, về vấn đề tiền bạc, bất đồng quan điểm, bà M đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống đến nay, vợ chồng đã ly thân với nhau cách nay khoảng 02 năm. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà M.

- Con chung: Ông và bà M không có con chung.

- Tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: Vợ chồng có tham gia chơi hụi của vợ chồng ông Nh, bà C, bà K, bà Ng và đã lĩnh (hốt) tổng cộng được 162.000.000 đồng, ông sử dụng mục đích riêng 27.000.000 đồng, còn lại sử dụng chung trong gia đình 135.000.000 đồng, không có hụi nào mệnh giá 500.000 đồng và số tiền lĩnh (hốt) hụi như bà M trình bày. Sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà M bỏ đi, ông đã đóng lại toàn bộ số tiền hụi chết cho các chủ hụi, hiện nay không còn nợ ai khoản tiền nào. Khi ly hôn, ông yêu cầu chia đôi số nợ hụi trên với bà M, mỗi người có nghĩa vụ chịu ½ số tiền là 67.500.000.000 đồng, yêu cầu bà M hoàn lại cho ông 67.500.000 đồng. Ngoài ra, không còn khoản nợ chung nào khác.

- Tài sản riêng: Đối với yêu cầu của bà M yêu cầu ông và mẹ anh là bà M1 thanh toán số tiền 40.0000.000 đồng mà chị ông là bà Th vay của bà M thì ông không đồng ý. Ông xác định việc bà Th vay tiền của bà M thì ông và bà M1 không liên quan, không nhận, không sử dụng tiền. Tuy nhiên, ông xác định trước đây cha mẹ ông có cho bà Th phần đất diện tích 1,5 công để canh tác đúng như bà M trình bày, sau khi bà Th đi làm tại tỉnh Bình Dương thì giao lại phần đất này cho ông và bà M1 sử dụng và các bên thỏa thuận chuyển giao số tiền này cho ông và bà M1 trả thay cho bà Th, việc thỏa thuận không lập thành văn bản, chỉ thỏa thuận bằng lời nói.

Bà Huỳnh Hông M trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

- Hôn nhân: Về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn đúng như ông Ch trình bày. Trong thời gian chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì trầm trọng dẫn đến ly hôn, vợ chồng vẫn còn tình cảm với nhau, nhưng giữa bà và mẹ chồng có mâu thuẫn nên ông Ch nghe lời mẹ và khởi kiện yêu cầu ly hôn, vợ chồng đã sống ly thân cách nay khoảng 02 năm. Bà không đồng ý ly hôn, yêu cầu được đoàn tụ.

- Con chung: Bà và ông Ch không có con chung.

- Tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Tài sản riêng: Chị chồng là bà Nguyễn Hồng Th mượn của bà số tiền 40.000.000 đồng, việc mượn tiền không có văn bản thể hiện. Tuy nhiên trước đó mẹ chồng cho bà Th phần đất diện tích 1,5 công, nhưng sau đó bà Th không trực

tiếp sử dụng phần đất này mà giao lại cho ông Ch và bà M1 trực tiếp sử dụng, nên bà yêu cầu ông Ch và bà M1 thanh toán số tiền này cho bà, không yêu cầu tính lãi. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, gia đình có họp để giải quyết, có sự chứng kiến của ông Trần Văn H và Lý Thị T1 và bà Nguyễn Thị M2 thì anh Ch và bà M1 (mẹ chồng) đồng ý trả số tiền này cho bà trong thời gian 03 tháng nhưng đến nay không thanh toán. Bà xác định không yêu cầu bà Th thanh toán số tiền này.

- Nợ chung*:* Bà xác định vợ chồng không có nợ chung, không ai nợ vợ chồng. Đối với số tiền nợ hụi như ông Ch trình bày thì bà xác định vợ chồng có tham gia chơi hụi và lĩnh (hốt) hụi được số tiền 123.000.000 đồng, không phải 162.000.000 đồng như ông Ch trình bày, vì hụi của ông Nh có 02 chưng có mệnh giá 500.000 đồng, chỉ lĩnh (hốt) được 28.000.000 đồng, hụi của bà Ánh Ng có 01 chưng mệnh giá 500.000 đồng, lĩnh (hốt) được 14.000.000 đồng, 01 chưng mệnh giá 1.000.000 đồng lĩnh (hốt) được 27.000.000 đồng, còn hụi của bà K thì đúng như ông Ch trình bày, nhưng số tiền linh (hốt) hụi nêu trên bà đã sử dụng mục đích chi xài trong sinh hoạt gia đình nhà chồng, nên bà không đồng ý cùng chia nghĩa vụ như ông Ch yêu cầu.

Bà Nguyễn Thị M trình bày: Vào khoảng trước năm 2017, bà M có cho con gái bà là Nguyễn Hồng Th vay số tiền 20.000.000 đồng, đến năm 2017 sau khi ông Ch, bà M kết hôn thì bà M tiếp tục cho bà Th vay số tiền 20.000.000 đồng, tổng cộng 40.000.000 đồng, sự việc này bà có biết. Đến năm 2020 ông Ch, bà M xảy ra mâu thuẫn, bà M yêu cầu bà Th thanh toán số tiền vay, nhưng bà Th không có khả năng thanh toán, nên bà có nói với bà M là bà sẽ cho bà Th biết để bà Th thanh toán cho bà M, chứ bà không hứa là thanh toán thay cho bà Th. Bà xác định bà không đồng ý yêu cầu của bà M yêu cầu bà và ông Ch thanh toán số tiền trên. Khi xảy ra sự việc thì có bà Nguyễn Thị M2, sinh năm 1946, bà Lý Thị T1, ông Trần Văn H có đến nhà bà nhưng không chứng kiến việc trao đổi giữa bà với bà M liên quan đến số tiền 40.000.000 đồng này, nên sự xác nhận của bà M2 và bà T1, ông H không đúng sự thật.

Bà Nguyễn Thị K trình bày: Vào ngày 01/10/2019, bà có mở 01 dây hụi, do bà làm chủ, loại hụi 1.000.000 đồng, gồm 36 phần (chưng), định kỳ mỗi tháng mở một lần, ông Ch và bà M tham gia 03 phần. Lúc còn chung sống, vợ chồng ông Ch đã lĩnh (hốt) 02 phần, do ông Ch hốt khoảng kỳ thứ 5, thứ 6 nên tiền lĩnh (hốt) hụi mỗi phần khoảng 25.000.000 đồng (do bà không còn giữ sổ sách, giấy tờ về hụi nên không nhớ cụ thể), khi (lĩnh) hốt hụi thì ông Ch là người nhận tiền, còn lại 01 phần ông Ch lĩnh (hốt) riêng. Sau khi ông Ch và bà M xảy ra mâu thuẫn, không còn sống chung thì ông Ch đã đóng lại đủ tiền hụi chết cho bà mỗi phần 35.000.000 đồng, tổng cộng 105.000.000 đồng, do trừ đi phần hụi của người tham gia, còn lại 35 phần bằng 35.000.000 đồng, hiện nay không còn nợ. Bà xác định bà không yêu cầu gì đối với ông Ch, bà M trong vụ án ly hôn. Bà xin vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án.

Bà Huỳnh Ánh Ng trình bày: Khoảng năm 2019, bà có làm chủ hụi, vợ chồng ông Ch, bà M có tham gia chơi 02 phần (chưng), ông Ch (lĩnh) hốt 01 chưng, bà M (lĩnh) hốt 01 chưng, tổng cộng được 72.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi, ông Ch và bà M đã đóng hụi chết cho bà đầy đủ, hiện nay hụi đã mãn, ông Ch, bà M không còn nợ

bà khoản tiền nợ nào, nên bà không yêu cầu gì trong vụ án này. Bà xin vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án.

Ông Nguyễn Văn Nh trình bày: Vào năm 2020, vợ chồng ông có mở 01 dây hụi, mệnh giá 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, gồm 36 phần (chưng), ông Ch và bà M tham gia 02 phần (chưng), hiện nay ông Ch, bà M vẫn còn nợ tiền hụi chết của dây hụi này, ngoài ra ông Ch và bà M còn tham gia chơi 02 dây hụi khác. Tuy nhiên, ông Nh có ý kiến sẽ cung cấp thông tin hoặc có yêu cầu ông Ch, bà M thanh toán nợ nhưng đến nay ông Nh và bà C vẫn không cung cấp thông tin và nộp đơn yêu cầu độc lập và trình bày ý kiến trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Hồng Th đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo cho bà Th đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bà Nguyễn Thị C được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu cung cấp văn bản ý kiến cho Tòa án; Bà Th và bà C đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập, để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà Th, bà C vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau phát biểu ý kiến như sau: Về việc chấp hành pháp luật trong tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ được quy định trong pháp luật trong tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông Ch về việc ly hôn với bà M; Con chung, tài sản chung, nợ chung không có, nên không đặt ra xem xét, giải quyết; Chấp nhận yêu cầu của bà M, buộc ông Ch, bà M thanh toán cho bà M 40.000.000 đồng; Không xem xét, giải quyết yêu cầu của ông Ch về việc yêu cầu bà M hoàn trả tiền hụi 67.500.000 đồng. Các đương sự phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là về việc Ly hôn.

Bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Hồng Th, ông Nguyễn Văn Nh, bà Nguyễn Thị C đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ ly do, bà Nguyễn Thị K, bà Huỳnh Ánh Ng có đơn xin vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[2] Hôn nhân: Ông Nguyễn Minh Ch khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông bà Huỳnh Hồng M. Ông Ch cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, về vấn đề tiền bạc, bất đồng quan điểm, bà M đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống đến nay. Bà M cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì trầm trọng dẫn đến ly hôn. Bà xác định vẫn còn tình cảm với chồng, nên ông Ch yêu cầu ly hôn, bà không đồng ý, bà yêu cầu được đoàn tụ. Hội đồng xét xử thấy rằng, ông Ch và bà M chung sống hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, thực tế

ông, bà đã sống ly thân với nhau, nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc. Tại phiên tòa, ông Ch kiên quyết yêu cầu ly hôn. Bà M tuy có yêu cầu đoàn tụ nhưng trong quá trình giải quyết vụ án đến nay bà không có biện pháp nào hiệu quả để hàn gắn hôn nhân của ông, bà. Do đó, chấp nhận yêu cầu của ông Ch về việc ly hôn với bà M là có căn cứ.

[3] Con chung: Ông Ch và bà M xác định không có, nên không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4]Tài sản chung: Ông Ch và bà M xác định không có, nên không xem xét, giải quyết là có căn cứ.

[5] Tài sản riêng: Đối với số tiền 40.000.000 đồng mà M yêu cầu bà Th thanh toán. Hội đồng xét xử thấy rằng, giữa bà M, ông Ch và bà M1 đều thống nhất xác định việc bà Th có vay của bà M 40.000.000 đồng là đúng sự thật. Xét thấy, bà Th vay tiền của bà M đến nay vẫn chưa thanh toán cho thấy đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với bà M. Bà M cho rằng sau khi xảy ra mâu thuẫn, bà M1 và ông Ch đồng ý trả thay cho bà Th khoản nợ này, bà M xác định không yêu cầu bà Th thanh toán số tiền này mà yêu cầu ông Ch và bà Th thanh toán. Ông Ch thừa nhận có việc thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ giữa ông và bà M1 với bà Th là ông và bà M1 thanh toán thay cho bà Th số tiền trên, không có văn bản thể hiện và hiện nay ông đang sử dụng phần đất 1,5 công do bà Th giao lại, nhưng ông và bà M1 không đồng ý thanh toán cho bà M. Xét thấy, việc các đương sự chuyển giao nghĩa vụ với nhau trên tinh thần tự nguyện và bà M đồng ý, nên ông Ch và bà M1 trở thành bên có nghĩa vụ. Đồng thời, có sự chứng kiến, hiểu biết sự việc của ông H, bà T và bà M2, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà M, buộc ông Ch và bà M 1có nghĩa vụ thanh toán cho bà M số tiền 40.000.000 đồng.

[6] Nợ chung: Đối với khoản tiền nợ hụi của ông Nh và bà C, bà Ng, bà K, Hội đồng xét xử thấy rằng, các khoản nợ hụi này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, ông Ch, bà M đều thừa nhận thực tế có tham gia chơi hụi và lĩnh (hốt) hụi của vợ chồng ông Nh, bà C, bà Ng và bà K, ông Ch xác định được số tiền 162.000.0000 đồng, trong đó ông Ch sử dụng riêng 27.000.000 đồng, còn lại 135.000.000 đồng, còn bà M cho rằng hụi của ông Nh chỉ lĩnh (hốt) được 28.000.000 đồng, hụi của bà Ánh Ng 01 chưng lĩnh (hốt) được 27.000.000 đồng, 01 chưng lĩnh (hốt) được 14.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà Ng và ông Nh khai là hụi 1.000.000 đồng, không có hụi 500.000 đồng như bà M trình bày. Ngoài ra, bà M không cung cấp được chứng cứ chứng minh là có hụi mệnh giá 500.000 đồng, nên trình bày của bà M không có cơ sở chấp nhận. Tại phiên tòa, ông Ch và bà M đều thống nhất tiền lĩnh (hốt) hụi sử dụng vào mục đích sinh hoạt chung trong gia đình, nên xác định là nợ chung, sau khi bà M bỏ đi, ông Ch đã đóng hụi chết lại cho các chủ hụi xong, hiện nay không còn nợ của bà Ng và bà K. Do đó, xác định đây là nghĩa vụ chung của vợ chồng, bà M cùng có nghĩa vụ đối với khoản tiền nợ hụi nêu trên. Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án ông Ch không có đơn yêu cầu độc lập để yêu cầu bà M hoàn trả khoản tiền này, nên không xem xét, giải quyết trong vụ án này là có căn cứ.

Đối với ông Nguyễn Văn Nh và bà Nguyễn Thị C xác định ông Ch, bà M còn nợ tiền hụi, nhưng quá trình giải quyết vụ án ông Nh và bà C không có đơn yêu cầu độc lập để yêu cầu ông Ch và bà M thanh toán nợ, nên không xem xét giải quyết trong vụ án này là có căn cứ.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 288, 370 của Bộ luật dân sự; Các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh Ch về việc yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Hồng M.

Con chung: Không có.

Tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

Tài sản riêng: Buộc ông Nguyễn Minh Ch và bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Huỳnh Hồng M số tiền 40.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà Huỳnh Hồng M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Minh Ch và bà Nguyễn Thị M không thanh toán xong khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh Ch phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn. Án phí dân sự có giá ngạch, ông Ch và bà M phải nộp 2.000.000 đồng. Ngày 05/8/2022, ông Ch đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0001860, được đối trừ, ông Ch và bà M tiếp tục nộp 1.700.000 đồng (chưa nộp), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã Định Bình, TP Cà Mau;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TM (TANDTPCM).

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hân